

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4546 /SGDĐT-GDTrH

Bình Phước, ngày 21 tháng 11 năm 2017

V/v thông báo cấu trúc đề kiểm tra
học kỳ I, học kỳ II cấp THCS, THPT
năm học 2017-2018.

Kính gửi:

- Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã;
- Hiệu trưởng các trường THPT, THCS & THPT.

Ngày 17/11/2017, Sở GD&ĐT đã ban hành Công văn số 4531/SGDĐT-GDTrH về việc hướng dẫn kiểm tra học kỳ I và Sơ kết HKI cấp THCS, THPT năm học 2017-2018;

Nay Sở GD&ĐT thông báo đến các đơn vị cấu trúc đề kiểm tra học kỳ I, học kỳ II các môn Toán, Văn, Anh lớp 9, 10, 11, 12; Lí, Hóa, Sinh, Sử, Địa, GDCD lớp 12 năm học 2017-2018 như sau:

(Đính kèm Công văn này).

Nhận được Công văn, Sở GD&ĐT đề nghị các đơn vị triển khai thực hiện nghiêm túc. Mọi vướng mắc trong quá trình thực hiện cần liên hệ trực tiếp với Sở (qua Phòng Giáo dục Trung học, ĐT 0271.3879107) để được hướng dẫn, giải đáp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, GDTrH;



PHÓ GIÁM ĐỐC

Hồ Hải Thạch

CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I, HỌC KÌ II, NĂM HỌC 2017-2018
MÔN TOÁN - LỚP 9, 10, 11, 12

(Đính kèm Công văn số 4546 /SGDDT-GDTrH ngày 21/11/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I MÔN TOÁN 9

Thời gian làm bài: 90 phút

A. PHẦN TỰ CHỌN (2,0 điểm): Thí sinh chọn một trong hai đề sau

Đề 1: (2,0 điểm)

Đề 2: (2,0 điểm)

* Nội dung lý thuyết hình học; đại số: các định lý, công thức tổng quát... trong chương trình học ở học kì 1, những bài toán áp dụng đơn giản.

B. PHẦN BẮT BUỘC (8,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Các bài toán có biến đổi căn bậc hai, rút gọn, trục căn thức ở mẫu, tìm x...

Câu 2. (2,0 điểm)

Các bài toán về hàm số bậc nhất: vẽ đồ thị, tìm tọa độ giao điểm, tìm công thức của hàm số (xác định các hệ số a, b trong công thức $y = ax + b$), tìm điều kiện để hai đồ thị hàm số song song, cắt nhau, trùng nhau...

Câu 3. (1,0 điểm)

Bài toán có nội dung hình học sử dụng hệ thức trong tam giác vuông - tỉ số lượng giác góc nhọn (chương 1)

Câu 4. (3,0 điểm)

Bài toán có nội dung hình học: đường tròn (chương 2) từ bài 1 đến bài 6.

CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II MÔN TOÁN 9

Thời gian làm bài : 90 phút

A. PHẦN TỰ CHỌN (2,0 điểm): Thí sinh chọn một trong hai đề sau:

Đề 1: (2,0 điểm)

Đề 2: (2,0 điểm)

* Nội dung lý thuyết hình học; đại số: các định lý, công thức tổng quát... trong chương trình học ở học kì 2, những bài toán áp dụng đơn giản.

B. PHẦN BẮT BUỘC (8 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Giải phương trình bậc 2 hoặc phương trình đưa được về bậc hai và hệ 2 phương trình bậc nhất hai ẩn...

Câu 2. (1,0 điểm)

Bài toán liên quan đến hàm số $y = ax^2$.

Câu 3. (2,0 điểm)

Bài toán về phương trình bậc hai (giải phương trình với giá trị cho trước của tham số, tìm điều kiện của tham số để phương trình có nghiệm, vô nghiệm...) hoặc giải bài toán bằng cách lập phương trình...

Câu 4. (3,0 điểm)

Bài toán có nội dung hình học về đường tròn (chú trọng kiến thức về góc trong đường tròn và chứng minh tứ giác nội tiếp).

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I MÔN TOÁN 10 NĂM HỌC 2017-2018

Chủ đề (hoặc mạch kiến thức kĩ năng)	Mức độ nhận thức - hình thức câu hỏi										Tổng điểm / 10
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng thấp				Vận dụng cao		
	TNKQ	Tự luận	TNKQ	Tự luận	TNKQ	Tự luận	TNKQ	Tự luận	TNKQ	Tự luận	
1.Mệnh đề và sai số	1 0,25		1 0,25		1 0,25		1 0,25				3 0,75
2.Tập hợp– Các phép toán tập hợp	1 0,25		1 0,25		1 0,25		1 0,25				3 0,75
3.Hàm số	1 0,25		1 0,25	1 0,75							3 1,25
4.Hàm số bậc hai	1 0,25		1 0,25						1 1,0		3 1,5
5.Phương trình	1 0,25		1 0,25	1 1,0							3 1,5
6.Hệ Phương trình	1 0,25			1 1,0							2 1,25
7.Véc tơ	1 0,25		2 0,5		1 0,25						4 1,0
8.Hệ trục tọa độ						1 0,75					1 0,75
9.Giá trị lượng giác			2 0,5								2 0,5
10.Tích vô hướng	1 0,25					1 0,5					2 0,75
Cộng	8 2,0		9 2,25	3 2,75	3 0,75	2 1,25	1 1,0				26 10,0

MA TRẬN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (50%) VÀ ĐỀ TỰ LUẬN (50%) HỌC KỲ II
MÔN TOÁN - LỚP 10 - NĂM HỌC 2017-2018

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Các chủ đề chính	Các mức độ cần đánh giá						Tổng
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
Bất đẳng thức- Bất phương trình	4 1,0			1 1,0		1 1,0	6 3,0
Thống kê	1 0,25		1 0,25		1 0,25		3 0,75
Công thức lượng giác	3 0,75			1 1,0	3 0,75		8 2,5
Hệ thức lượng trong tam giác	1 0,25			1 0,5	2 0,5		6 1,25
Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng	2 0,5		2 0,5	1 1,0		1 0,5	7 2,5
Tổng	11 2,75		7 4,25		8 3,0		17 10,0

B. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1. (1 điểm) Giải bất phương trình.

Câu 2. (1 điểm) Chứng minh đẳng thức lượng giác.

Câu 3. (0,5 điểm) Bài toán giải tam giác: Tính chu vi, diện tích, tính độ dài cạnh, số đo góc, độ dài các đường đặc biệt, ...

Câu 4. (1,5 điểm 2 ý) Viết phương trình đường thẳng, đường tròn. Tính khoảng cách, góc. Xác định tọa độ của một điểm.

Câu 5. (1 điểm) Giải bài toán ứng dụng thực tế.

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HK I - MÔN TOÁN LỚP 11
NĂM HỌC 2017-2018

Dùng cho loại đề kiểm tra kết hợp TL (30%) và TNKQ (70%)

Chú thích: Dự kiến về chuẩn KT, KN cần kiểm tra: (Ch)

Cấp độ	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				Cộng
					Cấp độ thấp		Cấp độ cao		
	Tên chủ đề	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	
Hàm số lượng giác	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	
	1 0.25		1 0.25		1 0.25				3 0,75
Phương trình lượng giác cơ bản									
	1 0,25		2 0,5			1 0.5			3+1 1,25
Phương trình lượng giác thường gặp									
	1 0.25		1 0,25			1 0,5			2+1 1,0
Quy tắc đếm									
	1 0.25		1 0.25	1 0,5					2+1 1,0
Hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp									
	1 0.25		1 0,25		1 0.25				3 0.75
Nhị thức Niuton									
	1 0.25		1 0.25						2 0,5
Xác suất của biến cố									
	1 0.25		1 0,25		1 0.25		1 0.5		3+1 1.25
Phép tịnh tiến									
			1 0,25						1 0,25
Phép quay									
	1 0.25		1 0,25						2 0,25
Phép dời hình									
			1 0.25						1 0,25
Phép vị tự, phép đồng dạng									
	1 0,25		1 0,25						2 0,5
Đại cương về đường thẳng và mặt phẳng									
	1 0,25		1 0.25						2 0,25

Hai đường thẳng chéo nhau và song song									
			1 0.25	1 0.5					1 0.25
Đường thẳng song song với mặt phẳng									
					1 0.25			1 0.5	2 0.5
Tổng số câu (số ý) Tổng số điểm	10 2,5		14 3,5	2	8	2		2	28 + 6TL 10.0

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HK II – MÔN TOÁN 11
NĂM HỌC 2017-2018

Dùng cho loại đề kiểm tra kết hợp TL (30%) và TNKQ (70%)

Chú thích: Dự kiến về chuẩn KT, KN cần kiểm tra: (Ch)

Cấp độ	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				Cộng
					Cấp độ thấp		Cấp độ cao		
Tên chủ đề	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
Dãy số	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	
	1 0.25		1 0.25						2 0.5
Cấp số cộng									
	1 0.25		1 0.25						2 0.5
Cấp số nhân									
	1 0.25				1 0.25				2 0.5
Giới hạn của dãy số									
	1 0.25		1 0.25						2 0.5
Giới hạn của hàm số									
	1 0.25		1 0.25	1 0.5					3 1,0
Hàm số liên tục									
			1 0.25			1 0.5			2 0.75
Định nghĩa và ý nghĩa của đạo hàm									
	1 0.25			1 0.5				1 0.5	3 1.25
Quy tắc tính đạo hàm									
	1 0.25		1 0.25		1 0.25				3 0.75
Đạo hàm của hàm số lượng giác									
	1 0.25		2 0.5						3 0.75
Vi phân và đạo hàm cấp hai									
	1 0.25		1 0.25						2 0.5
Hai mặt phẳng song song									
	1 0.25								1 0.25
Phép chiếu song song + Hình biểu diễn									
			1 0.25						1 0.25

Vec tơ trong không gian									
			1 0.25						1 0.25
Hai đường thẳng vuông góc									
			1 0.25		1 0.25				2 0.5
Đường thẳng vuông góc mặt phẳng									
			1 0.25			1 0.5			2 0.75
Hai mặt phẳng vuông góc									
			1 0.25		1 0.25				2 0.5
Khoảng cách									
								1 0.5	1 0.5
Tổng số câu (số ý)	10		16		8				34
Tổng số điểm	2.5		4.5		3.0				10.0

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA MÔN TOÁN HỌC KÌ 1 LỚP 12-NĂM HỌC 2017-2018

Thời gian làm bài 90 phút.

- 40 câu TNKQ: 28 câu GT, 12 câu HH(mỗi câu 0.2 điểm).
- 2 câu TL: 1 câu GT, 1 câu HH (mỗi câu 1.0 điểm).

Mạch kiến thức	Mức 1 số câu điểm	Mức 2 số câu điểm		Mức 3 số câu điểm		Mức 4 số câu điểm	cộng số câu điểm
	TN	TN	TL	TN	TL	TN	
Tính đơn điệu của hàm số	1 Câu 1	1 Câu 12					2
Cực trị của hàm số	1 Câu 2		1 Câu 41			1 Câu 38	3+1
GTLN, GTNN của hàm số		1 Câu 13		1 Câu 27			2
Đường tiệm cận	1 Câu 3			1 Câu 28			1
Đồ thị, bảng biến thiên của hàm số	1 Câu 4	1 Câu 14					2
Bài toán liên quan khảo sát hàm số		1 Câu 15		1 Câu 29		1 Câu 39	3
Bài toán tổng hợp; ứng dụng thực tế Chương I		1 Câu 16		1 Câu 30			2
Lũy thừa	1 Câu 5	1 Câu 17					2
Logarit	1 Câu 6	1 Câu 18					2
Hàm số lũy thừa, mũ, logarit	1 Câu 7	1 Câu 19		1 Câu 31			3
Phương trình mũ, logarit		1 Câu 20		1 Câu 32			2
Bất phương trình mũ, logarit		1 Câu 21		1 Câu 33			2
Bài toán tổng hợp; ứng dụng thực tế		1 Câu 22		1 Câu 34			2
Khái niệm về khối đa diện	1 Câu 8						1
Khối đa diện lồi và đa diện đều	1 Câu 9	1 Câu 23					2
Thể tích khối đa diện	1 Câu 10	2 Câu 25,24		1 Câu 35		1 Câu 40	5
Mặt cầu	1 Câu 11			1 Câu 36			2
Mặt trụ, mặt nón		1 Câu 26		1 Câu 37	1 Câu 42		2+1
Cộng số câu Điểm	11 2.2	15 3.0	1 1.0	11 2.2	2 1.0	3 0.6	

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II LỚP 12 MÔN TOÁN – NĂM HỌC 2017-2018

I. Phần trắc nghiệm (40 câu *0.2 =8.0 điểm)

Mạch kiến thức	Mức độ nhận thức				
	Mức 1 số câu điểm	Mức 2 số câu điểm	Mức 3 số câu điểm	Mức 4 số câu điểm	cộng số câu điểm
I. Nguyên hàm, tích phân và ứng dụng	3 0.6	6 1.2	3 0.6	1 0.2	13 2.6
Nguyên hàm	1 câu 1	2 câu 12,13	1 câu 27		4
Tích phân	2 câu 2,3	2 câu 14,15			4
Ứng dụng của tích phân tính diện tích		1 câu 16	1 câu 28		2
Ứng dụng của tích phân tính thể tích		1 câu 17	1 câu 29		2
Bài toán liên quan thực tế				1 câu 37	1
II. Số phức	4 0.8	4 0.8	3 0.6	1 0.2	12 2.4
Mô đun, số phức liên hợp...	1 câu 4	2 câu 18,19	1 câu 30		4
các phép toán về số phức	2 câu 5,6	1 câu 20	1 câu 31		4
Phương trình bậc hai của số phức	1 câu 7	1 câu 21	1 câu 32		3
Biểu diễn số phức				1 câu 38	1
III. Phương pháp tọa độ trong không gian	4 0.8	5 1.0	4 0.8	2 0.4	15 3.0
Tọa độ trong không gian	1 câu 8	1 câu 22			2
Phương trình mặt cầu	1 câu 9	1 câu 23			2
Phương trình mặt phẳng	1 câu 10	1 câu 24	2 câu 33,34		4
Phương trình đường thẳng	1 câu 11	1 câu 25	1 câu 35	1 câu 39	4
Bài toán tổng hợp		1 câu 26	1 câu 36	1 câu 40	3
Cộng					
- Số câu	11	15	10	4	40
- Số điểm	2.2	3.0	2.0	0.8	10

II. Phần tự luận (2 câu = 2 điểm)

Câu 1: (1 điểm) Tính tích phân của một hàm số bằng phương pháp đổi biến số hoặc tích phân từng phần. (Mức 2,3)

Câu 2: (1 điểm) Viết phương trình của đường thẳng (hoặc phương trình mặt phẳng) cho biết 2 yếu tố (điểm, phương trình mặt phẳng, phương trình đường thẳng) và điều kiện. (Mức 2,3)

CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I, HỌC KÌ II, NĂM HỌC 2017-2018
MÔN VẬT LÝ - LỚP 12

(Đính kèm Công văn số 4546 /SGDDT-GDTrH ngày 21/11/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I - MÔN VẬT LÝ LỚP 12

(Thời gian làm bài: 45 phút)

BẢNG TÍNH TRỌNG SỐ TRONG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

(32 câu trắc nghiệm (8,0 điểm); 2,0 điểm tự luận)

Nội dung	Tổng số tiết	Tiết LT	Số tiết qui đổi		Số câu qui đổi cho TN + TL				Điểm TL
			BH	VD	BH		VD		
					TN	TL	TN	TL	
Chủ đề 1 : Dao động cơ	11	6	4.2	6.8	5	0	4	1	1
Chủ đề 2: Sóng cơ - Sóng âm	8	6	4.2	3.8	5	0	5	0	0
Chủ đề 3: Dòng điện xoay chiều	14	8	5.6	8.4	7	0	6	1	1
Tổng	33	20	14	19	17	0	15	2	2

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I - MÔN VẬT LÝ 12

Tên Chủ đề (1)	Nhận biết (2)	Thông hiểu (3)	Vận dụng (4)
1. Dao động cơ	Nhận biết được các khái niệm, định nghĩa và đặc điểm về các đại lượng, hiện tượng vật lý của phần dao động cơ. Chẳng hạn như một số liệt kê sau đây: - Dao động cơ, dao động tuần hoàn. - Dao động điều hòa, li độ, biên độ, tần số, chu kỳ, pha, pha ban đầu, vận tốc, gia tốc, đồ thị, quá trình biến đổi năng lượng trong dao động điều hòa. - Phương trình động lực học và phương trình dao động điều hòa của con lắc lò xo và của con lắc đơn, ứng dụng của con lắc đơn và của con lắc lò xo. - Dao động riêng, dao động tắt dần, dao động duy trì, dao động cưỡng bức, hiện tượng cộng hưởng, tổng hợp dao động. ...	- Hiểu được các khái niệm, định nghĩa và đặc điểm về các đại lượng, hiện tượng vật lý của phần dao động cơ như một số liệt kê ở cột (2). - Giải được các bài tập đơn giản về các nội dung như liệt kê ở cột (2).	- Giải được các bài tập về các nội dung như liệt kê ở cột (2). - Vận dụng kiến thức để giải quyết các bài tập có liên hệ các nội dung lý thuyết với thực tiễn.
Số câu TN (điểm)	3 (0,75 đ)	2 (0,5 đ)	4 (1,0 đ)
Số câu TL (điểm)	0	0	1 (1,0 điểm)
2. Sóng cơ	Nhận biết được các khái niệm, định nghĩa và đặc điểm về các đại lượng, hiện tượng vật lý của phần sóng cơ. Chẳng hạn như một số liệt kê sau đây: - Sóng cơ, sóng dọc, sóng ngang, tốc độ truyền sóng, bước sóng, tần số sóng, biên độ sóng, năng lượng sóng, phương trình sóng. - Giao thoa của hai sóng; Phản xạ sóng, sóng dừng. - Nguồn âm, sóng âm, âm thanh, hạ âm, siêu âm, cường độ âm, mức cường độ âm, các đặc trưng vật lý, các đặc trưng sinh lý của âm, âm cơ bản và các họa âm, cộng hưởng âm. ...	- Hiểu được các khái niệm, định nghĩa và đặc điểm về các đại lượng, hiện tượng vật lý của phần sóng cơ như liệt kê ở cột (2). - Giải được các bài tập đơn giản về các nội dung như liệt kê ở cột (2).	- Giải được các bài tập về các nội dung như liệt kê ở cột (2). - Vận dụng kiến thức để giải quyết các bài tập có liên hệ các nội dung lý thuyết với thực tiễn.
Số câu TN (điểm)	3 (0,75 đ)	2 (0,5 đ)	5 (1,25 đ)

Số câu TL (điểm)	0	0	0
3. Dòng điện xoay chiều	Nhận biết được các khái niệm, định nghĩa và đặc điểm về các đại lượng, hiện tượng vật lý của phần dòng điện xoay chiều. Chẳng hạn như một số liệt kê sau đây: - Biểu thức của cường độ dòng điện và điện áp tức thời. - Định nghĩa và công thức tính giá trị hiệu dụng của cường độ dòng điện, của điện áp. - Các công thức tính cảm kháng, dung kháng và tổng trở của đoạn mạch có RLC mắc nối tiếp, RL nối tiếp, RC nối tiếp... và nêu được đơn vị đo các đại lượng này. - Định luật Ôm đối với đoạn mạch xoay chiều thuần điện trở, thuần cảm kháng, thuần dung kháng, đoạn mạch có RLC nối tiếp, RL nối tiếp, RC nối tiếp... - Các đại lượng trong công thức của định luật Ôm cho đoạn mạch có RLC nối tiếp, RL nối tiếp, RC nối tiếp... - Độ lệch pha giữa dòng điện và điện áp tức thời đối với đoạn mạch xoay chiều thuần điện trở, thuần cảm kháng, thuần dung kháng. - Công thức tính độ lệch pha giữa dòng điện và điện áp tức thời đối với đoạn mạch có RLC nối tiếp, RL nối tiếp, RC nối tiếp... dòng điện trễ pha, sớm pha so với điện áp. - Điều kiện và đặc điểm của hiện tượng cộng hưởng điện đối với đoạn mạch RLC nối tiếp. - Công thức tính công suất điện và công thức tính hệ số công suất của đoạn mạch có RLC nối tiếp, RL nối tiếp, RC nối tiếp... - Nguyên tắc cấu tạo và hoạt động của máy biến áp, máy phát điện xoay chiều, động cơ điện xoay chiều 1 pha. - Truyền tải điện năng. ...	- Hiểu được các khái niệm, định nghĩa và đặc điểm về các đại lượng, hiện tượng vật lý của phần dòng điện xoay chiều như liệt kê ở cột 2. - Giải được các bài tập đơn giản về các nội dung như liệt kê ở cột 2.	- Giải được các bài tập về các nội dung như liệt kê ở cột 2. - Vận dụng kiến thức để giải quyết các bài tập có liên hệ các nội dung lý thuyết với thực tiễn.
Số câu (điểm)	4(1,0 đ)	3(0,75 đ)	6 (1,5đ)
Số câu TL (điểm)	0	0	1(1,0 điểm)
Tỷ lệ	10 câu (2,5 điểm) 25 %	7 câu 1,75 điểm) 17,5 %	* 15 câu TN (3,75 điểm) * 2 câu TL (2,0 điểm) 57,5%

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - MÔN VẬT LÝ LỚP 12, NĂM HỌC 2017-2018

(Thời gian làm bài: 45 phút)

BẢNG TÍNH TRỌNG SỐ TRONG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II

(32 câu trắc nghiệm (8,0 điểm); 2,0 điểm tự luận)

Nội dung	Tổng số tiết	Tiết LT	Số tiết qui		Số câu qui đổi cho TN +				Điểm TL
			BH	VD	BH		VD		
					TN	TL	TN	TL	
Chủ đề 1.: Dao động và sóng điện từ	5	4	2.8	2.2	3	0	3	0	
Chủ đề 2. Sóng ánh sáng	9	5	3.5	5.5	5	0	4	1	1,0
Chủ đề 3. Lượng tử ánh sáng	7	5	3.5	3.5	5	0	4	0	
Chủ đề 4. Hạt nhân nguyên tử	9	6	4.2	4.8	6	0	2	1	1,0
Tổng	30	20	14	16	19	0	13	2	2,0

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - MÔN VẬT LÝ - LỚP 12

Tên Chủ đề (1)	Nhận biết (2)	Thông hiểu (3)	Vận dụng (4)
1. Dao động và sóng điện từ	Nhận biết được các khái niệm, định nghĩa và đặc điểm về các đại lượng, hiện tượng vật lý của phần mạch dao động điện từ, sóng điện từ. Chẳng hạn như một số liệt kê sau đây: - Chu kỳ, tần số riêng, cường độ dòng điện, hiệu điện thế, điện tích trên bản tụ điện của mạch dao động điện từ LC. - Sóng điện từ, những đặc điểm của sóng điện từ, sóng vô tuyến, ứng dụng của sóng vô tuyến điện trong thông tin liên lạc. ...	- Hiểu được các khái niệm, định nghĩa và đặc điểm về các đại lượng, hiện tượng vật lý của phần dao động và sóng điện từ như liệt kê ở cột 2. - Giải được các bài tập đơn giản về các nội dung như liệt kê ở cột 2.	- Giải được các bài tập về các nội dung như liệt kê ở cột 2. - Vận dụng kiến thức để giải quyết các bài tập có liên hệ các nội dung lý thuyết với thực tiễn.
Số câu TN (điểm)	2 (0,5 đ)	1 (0,25đ)	3(0,75 đ)
Số câu TL (điểm)	0	0	0
2. Sóng ánh sáng	Nhận biết được các khái niệm, định nghĩa và đặc điểm về các đại lượng, hiện tượng vật lý của phần sóng ánh sáng. Chẳng hạn như một số liệt kê sau đây: - Hiện tượng tán sắc ánh sáng, ánh sáng đơn sắc, ánh sáng trắng ... - Giao thoa ánh sáng, điều kiện để xảy ra hiện tượng giao thoa ánh sáng, khoảng vân, vị trí vân sáng, vân tối ... - Quang phổ liên tục, quang phổ vạch phát xạ và hấp thụ; đặc điểm chính của mỗi loại quang phổ này; Thang sóng điện từ theo bước sóng. - Bản chất, tính chất và công dụng của tia hồng ngoại, tử ngoại, tia X.	- Hiểu được các khái niệm, định nghĩa và đặc điểm về các đại lượng, hiện tượng vật lý của sóng ánh sáng như liệt kê ở cột 2. - Giải được các bài tập đơn giản về các nội dung như liệt kê ở cột 2.	- Giải được các bài tập về các nội dung như liệt kê ở cột 2. - Vận dụng kiến thức để giải quyết các bài tập có liên hệ các nội dung lý thuyết với thực tiễn.
Số câu TN (điểm)	3 (0,75 đ)	2 (0,25 đ)	4 (1,0 đ)
Số câu TL (điểm)	0	0	1(1,0 điểm)

3. Lượng tử ánh sáng	Nhận biết được các khái niệm, định nghĩa và đặc điểm về các đại lượng, hiện tượng vật lý của phần lượng tử ánh sáng. Chẳng hạn như một số liệt kê sau đây: - Hiện tượng quang điện ngoài, định luật về giới hạn quang điện, công thoát. - Nội dung cơ bản của thuyết lượng tử ánh sáng. - Lưỡng tính sóng-hạt của ánh sáng. - Hiện tượng quang điện trong, quang điện trở và pin quang điện. - Hiện tượng quang – phát quang. - Mẫu nguyên tử Bo, sự tạo thành quang phổ phát xạ và quang phổ hấp thụ của nguyên tử hiđrô. - Laze và một số ứng dụng của laze. ...	- Hiểu được các khái niệm, định nghĩa và đặc điểm về các đại lượng, hiện tượng vật lý của lượng tử ánh sáng như liệt kê ở cột 2. - Giải được các bài tập đơn giản theo các nội dung về lượng tử ánh sáng như liệt kê ở cột 2.	- Giải được các bài tập về các nội dung như liệt kê ở cột 2. - Vận dụng kiến thức để giải quyết các bài tập có liên hệ các nội dung lý thuyết với thực tiễn.
Số câu TN (điểm)	3 (0,75 đ)	2 (0,25 đ)	4 (1,0 đ)
Số câu TL (điểm)	0	0	0
4. Hạt nhân nguyên tử	Nhận biết được các khái niệm, định nghĩa và đặc điểm về các đại lượng, hiện tượng vật lý của phần hạt nhân nguyên tử. Chẳng hạn như một số liệt kê sau đây: - Cấu tạo hạt nhân, kí hiệu hạt nhân, độ hụt khối, năng lượng liên kết, năng lượng liên kết riêng, lực hạt nhân, đồng vị... - Phản ứng hạt nhân, hiện tượng phóng xạ, bản chất và tính chất của các tia phóng xạ. - Hệ thức Anh-xtanh giữa khối lượng và năng lượng. - Các định luật bảo toàn số khối, điện tích, động lượng và năng lượng toàn phần trong phản ứng hạt nhân. - Định luật phóng xạ. - Một số ứng dụng của các đồng vị phóng xạ. - Phản ứng phân hạch, phản ứng nhiệt hạch. ...	- Hiểu được các khái niệm, định nghĩa và đặc điểm về các đại lượng, hiện tượng vật lý của hạt nhân nguyên tử như liệt kê ở cột 2. - Giải được các bài tập đơn giản theo các nội dung về hạt nhân như liệt kê ở cột 2.	- Giải được các bài tập về các nội dung như liệt kê ở cột 2. - Vận dụng kiến thức để giải quyết các bài tập có liên hệ các nội dung lý thuyết với thực tiễn.
Số câu (điểm)	3 (0,75 đ)	3 (0,75 đ)	2 (0,5 đ)
Số câu TL (điểm)	0	0	1(1,0 điểm)
Tỷ lệ	11 câu (2,75 điểm) 27,5 %	8 câu (2,0 điểm) 20 %	* 13 câu TN (3,25 điểm) *2 câu TL (2 điểm)
			52,5%

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I, HỌC KỲ II - MÔN HÓA 12**Năm học: 2017-2018***(Đính kèm Công văn số 4546 /SGDDT-GDTrH ngày 11/11/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo)***A. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I:****I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (8 điểm):**

Nội dung	Loại câu hỏi/bài tập	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	Tổng số câu
		Số câu hỏi	Số câu hỏi	Số câu hỏi	Số câu hỏi	
Chủ đề 1 ESTE- LIPIT	Định tính	03	01			07
	Định lượng		01	01	01	
Chủ đề 2 CACBOHYDRAT	Định tính	02	01			05
	Định lượng			02		
Chủ đề 3 AMIN-AMINOAXIT-PROTEIN	Định tính	02	02			07
	Định lượng			02	01	
Chủ đề 4 POLIME- VẬT LIỆU POLIME	Định tính	01	01			02
	Định lượng					
Chủ đề 5 TỔNG HỢP HỮU CƠ	Định tính		02			04
	Định lượng			01	01	
Chủ đề 6 ĐẠI CƯƠNG KIM LOẠI	Định tính	02	02			07
	Định lượng			02	01	
Tổng số câu theo các mức độ nhận thức		10 (31.25%) 2,5đ	10 (31.25%) 2,5đ	8 (25%) 2,0đ	4 (12,5%) 1,0đ	32 câu (100%) 8,0đ

II. PHẦN TỰ LUẬN (2 điểm):

- Viết các phương trình phản ứng của este, cacbohidrat, amin, amino axit, peptit (mức: Hiểu, 1 điểm).

- Nội dung kiến thức liên quan đến thực hành, thí nghiệm hoặc vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống (mức: Vận dụng, 1 điểm).

B. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II:**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (8 điểm):**

Nội dung	Loại câu hỏi/bài tập	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	Tổng số câu
		Số câu hỏi	Số câu hỏi	Số câu hỏi	Số câu hỏi	
Chủ đề 1 Kim loại kiềm thổ & hợp chất kim loại kiềm thổ	Định tính	2	1			7 câu
	Định lượng		2	2		
Chủ đề 2 Nhôm và hợp chất của nhôm	Định tính	3	1			7 câu
	Định lượng			2	1	
Chủ đề 3 Sắt và hợp chất của sắt	Định tính	2	1			6 câu
	Định lượng		1	1	1	
Chủ đề 4 Crom và hợp chất của crom	Định tính	2	1			3 câu
	Định lượng					
Chủ đề 5 Hóa học và vấn đề phát triển kinh tế, xã hội và môi trường.	Định tính		1	1		2 câu
Chủ đề 6 Tổng hợp kim loại & hợp chất kim loại	Định tính	1	1			
	Định lượng		1	2	2	7 câu
Tổng số câu theo các mức độ nhận thức		10 (31.25%) 2,5đ	10 (31.25%) 2,5đ	8 (25%) 2,0đ	4 (12,5%) 1,0đ	32 câu (100%) 8,0đ

II. PHẦN TỰ LUẬN (2 điểm):

- Nhận biết, điều chế, giải thích hiện tượng và viết phương trình phản ứng (mức: **Hiểu**, 1 điểm).

- Nội dung kiến thức liên quan đến thực hành, thí nghiệm hoặc vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống (mức: **Vận dụng**, 1 điểm).

-----Hết-----

SỞ GD&ĐT BÌNH PHƯỚC

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I, HỌC KÌ II - MÔN SINH HỌC LỚP 12
NĂM HỌC 2017-2018**

(Đính kèm Công văn số 4546 /SGDDT-GDTrH ngày 21/11/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

1. Ma trận đề kiểm tra học kì I:

Chủ đề	Số câu	Nhận Biết		Thông Hiểu		Vận Dụng			
						Vận Dụng Thấp		Vận Dụng Cao	
		TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL
Cơ chế di truyền và biến dị	9	3	1	2		2		1	
Tính quy luật của hiện tượng di truyền	14	4		5		2		3	
Di truyền học quần thể	6	2		2		2			
Ứng dụng di truyền học	3	1	1	1					
Di Truyền học người	2	2							
Tổng số câu	34	12	2	10		6		4	

Ghi chú:

- 2 câu tự luận: mỗi câu 1 điểm.
- 32 Câu trắc nghiệm: mỗi câu 0,25 điểm.

2. Ma trận đề kiểm tra học kì II:

Chủ đề	Tổng		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao	
	Số câu	Điểm	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
Bằng chứng Tiến hóa	1	1		1						
Cơ chế Tiến hóa	7	1.75	3		2		2			
Sự phát sinh sự sống	2	0.5	1		1					
Môi trường và sinh học cá thể - Quần thể	8	2	3		2		2		1	
Quần xã	6	3.25	3		1	1	1			
Hệ sinh thái - Sinh quyển - Bảo vệ môi trường	6	1.5	3		1		1		1	
Tổng cộng	30	10	13	1	7	1	6	0	2	0

Ghi chú:

- Tổng số câu hỏi trắc nghiệm 28 câu; mỗi câu 0,25 điểm. Tổng điểm phần trắc nghiệm là 7 điểm.
- Tổng số câu hỏi tự luận 02 câu, tổng điểm là 3 điểm. Câu 1 phần Bằng chứng tiến hóa 1 điểm, câu 2 phần Sinh thái học Quần xã 02 điểm.

CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I, HỌC KÌ II - LỚP 9, 10, 11, 12

NĂM HỌC 2017-2018 - MÔN: NGỮ VĂN

(Đính kèm Công văn số 4546/SGDDT-GDTrH ngày 21/11/2017 của Sở GD&ĐT)

LỚP 9:

*** PHẠM VI KIỂM TRA KIẾN THỨC HỌC KÌ I:**

I. VĂN BẢN:

1. **Văn bản nhật dụng:** Phong cách Hồ Chí Minh; Đấu tranh cho một thế giới hoà bình; Tuyên bố thế giới về sự sống còn; Quyền được bảo vệ và phát triển ở trẻ em.

2. **Văn bản trung đại:** Chuyện người con gái Nam Xương; Hoàng Lê Nhất thống chí (hồi 14); Truyện Kiều, Chị em Thuý Kiều; Cảnh ngày xuân; Kiều ở lầu Ngưng Bích; Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga.

3. **Văn học hiện đại:** Đồng chí; Bài thơ về tiểu đội xe không kính; Đoàn thuyền đánh cá; Bếp lửa; Ánh trăng; Làng; Lặng lẽ Sa Pa; Chiếc lược ngà.

4. **Văn bản nước ngoài:** Cố hương.

II. TIẾNG VIỆT :

1. Các phương châm hội thoại

2. Lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp

3. Các cách phát triển của từ vựng Tiếng Việt

4. Thuật ngữ

5. Tổng kết từ vựng, các biện pháp tu từ từ vựng

6. Trau dồi vốn từ

III. TẬP LÀM VĂN

- Văn thuyết minh;

- Văn tự sự (sử dụng yếu tố nghị luận, miêu tả nội tâm, đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm).

*** PHẠM VI KIỂM TRA KIẾN THỨC HỌC KÌ II:**

I. VĂN BẢN

1. **Nghị luận Văn học:** Bàn về đọc sách; Tiếng nói của văn nghệ; Chuẩn bị hành trang bước vào thế kỷ mới.

2. **Văn học hiện đại:** Mùa xuân nho nhỏ; Viếng lăng Bác; Sang thu; Nói với con; Những ngôi sao xa xôi.

3. **Văn học nước ngoài:** Chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của La Fonten; Mây và Sóng; Rô-bi-n-xơn ngoài đảo hoang; Bỏ của Xi-mông; Con chó Bắc.

II. TIẾNG VIỆT:

1. Khởi ngữ.

2. Thành phần biệt lập.

3. Liên kết giữa câu với câu, giữa đoạn văn với đoạn văn.

5. Nghĩa tường minh và hàm ý.

6. Các kiến thức cơ bản về ngữ pháp.

III. TẬP LÀM VĂN

Kiểu bài nghị luận:

- Sự việc, hiện tượng đời sống, tư tưởng đạo lý.

- Nghị luận về đoạn thơ, bài thơ, tác phẩm truyện hoặc đoạn trích.

LỚP 10, 11, 12:

Những vấn đề chung

- Đề kiểm tra theo hướng “mở” nhằm phát huy năng lực sáng tạo của học sinh, hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình. Coi trọng kiểm tra đánh giá kĩ năng diễn đạt và bồi dưỡng tình cảm hứng thú học tập, hạn chế tối đa tình trạng đề yêu cầu học sinh học thuộc lòng, ghi nhớ máy móc.
- Phần đọc hiểu: Ngữ liệu có thể có trong hoặc ngoài chương trình sách giáo khoa (tương ứng với chuẩn kiến thức, kỹ năng đã học); ngữ liệu phần đọc hiểu có thể là văn đề văn học, có thể là văn đề chính trị, xã hội, đời sống (tư tưởng, đạo đức, triết lý ...)
- Phần làm văn: gồm 2 câu, câu 1 nghị luận xã hội, câu 2 nghị luận văn học. Câu nghị luận văn học tương ứng với chương trình sách giáo khoa học sinh đã học trong từng học kỳ.
- Thời gian làm bài : 90 phút theo quy định.

Cụ thể :

Lớp 10: Đề kiểm tra gồm hai phần: *đọc hiểu* và *viết (làm văn)*, trong đó tỷ lệ điểm của phần *viết* nhiều hơn phần *đọc hiểu*.

1. Phần đọc hiểu (2.0 điểm) :

- Kiểm tra kỹ năng đọc hiểu về văn bản (liên quan đến những kiến thức về văn học, đời sống).
- Học sinh có kỹ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung chính, biết vận dụng kiến thức để trả lời theo yêu cầu của câu hỏi.
- Bao gồm phần Tiếng Việt, Văn, Làm văn (ngữ liệu có thể có trong hoặc ngoài chương trình sách giáo khoa Ngữ Văn lớp 10) tương ứng với chuẩn kiến thức, kỹ năng lớp 10.

2. Phần làm văn (8.0 điểm):

Câu 1. Nghị luận xã hội (viết đoạn văn ngắn) (2.0 điểm)

Câu 2. Nghị luận Văn học (6.0 điểm) :

+ Học kỳ 1: Văn biểu cảm, tự sự.

+ Học kỳ 2: Nghị luận Văn học.

- Đề ra theo tinh thần đổi mới, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực.

Lớp 11:

1. Phần đọc hiểu (2.0 điểm):

- Kiểm tra kỹ năng đọc hiểu về văn bản (liên quan đến những kiến thức về văn học, đời sống).
- Học sinh có kỹ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung chính, biết vận dụng kiến thức để trả lời theo yêu cầu của câu hỏi.
- Bao gồm phần Tiếng Việt, Văn, Làm văn (ngữ liệu có thể có trong hoặc ngoài chương trình sách giáo khoa Ngữ Văn lớp 11) tương ứng với chuẩn kiến thức, kỹ năng đã học ở lớp 10 và chuẩn kiến thức, kỹ năng trong chương trình lớp 11.

2. Phần làm văn (8.0 điểm):

- Câu 1: Nghị luận xã hội (Viết đoạn văn ngắn) (2.0 điểm);

- Câu 2: Nghị luận văn học (6.0 điểm)

- Đề ra theo tinh thần đổi mới, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực.

Lớp 12:

1. Phần đọc hiểu (3.0 điểm):

- Kiểm tra kỹ năng đọc hiểu về văn bản (liên quan đến những kiến thức về văn học, đời sống).
- Học sinh có kỹ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung chính, biết vận dụng kiến thức để trả lời theo yêu cầu của câu hỏi.
- Bao gồm phần Tiếng Việt, Văn, Làm văn (ngữ liệu có thể có trong hoặc ngoài chương trình sách giáo khoa Ngữ văn lớp 12) tương ứng với chuẩn kiến thức, kỹ năng của cấp học THPT.

2. Phần làm văn: (7.0 điểm)

- Câu 1: Nghị luận xã hội (Viết đoạn văn ngắn) (2.0 điểm);
- Câu 2: Nghị luận văn học (5.0 điểm).
- Đề ra theo tinh thần đổi mới, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực.

-----Hết-----

ĐI CH
S
GIÁO
Và B
INRE

CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I, HỌC KÌ II - LỚP 12
NĂM HỌC 2017-2018; MÔN: LỊCH SỬ

(Đính kèm Công văn số 4546 /SGDDT-GDTrH ngày 21/11/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

- Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm khách quan và tự luận (28 câu trắc nghiệm, 01 câu tự luận).
- Thời gian làm bài: 45 phút.
- Nội dung kiểm tra trong học kỳ năm học 2017-2018 (Sách giáo khoa lớp 12 cơ bản):
a. Học kỳ 1

Cấp độ Tên (Chủ đề, nội dung)	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cấp độ cao	
	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL
Chủ đề 1: Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945-1949)	1		1					
Chủ đề 3: Các nước Á, Phi và Mỹ Latinh (1945-2000)	1		1		1			
Chủ đề 4: Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản (1945-2000)	1		1		2			
Chủ đề 5: Quan hệ quốc tế (1945-2000).			1					
Chủ đề 6: Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hóa			1				1	
Số câu: 12 Số điểm: 3,0 Tỉ lệ: 30%	Số câu: 3 Số điểm: 0,75 Tỉ lệ: 7,5%		Số câu: 5 Số điểm: 1,25 Tỉ lệ: 12,5%		Số câu: 3 Số điểm: 0,75 Tỉ lệ: 7,5%		Số câu: 1 Số điểm: 0,25 Tỉ lệ: 2,5%	
Chủ đề 8: Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1930	2		4		1			
Chủ đề 9: Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1945	1		2			1		
Chủ đề 10: Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1954	1		3		1		1	
Số câu: 17 Số điểm: 7,0 Tỉ lệ: 70%	Số câu: 4 Số điểm: 1,0 Tỉ lệ: 10 %		Số câu: 9 Số điểm: 2,25 Tỉ lệ: 22,5 %		Số câu: 3 Số điểm: 3,5 Tỉ lệ: 35 %		Số câu: 1 Số điểm: 0,25 Tỉ lệ: 2,5%	
Tổng số câu: 29 Tổng số điểm: 10 Tỉ lệ 100%	Số câu: 7 Số điểm: 1,75 Tỉ lệ: 17,5%		Số câu: 14 Số điểm: 3,5 Tỉ lệ: 35 %		Số câu: 6 Số điểm: 4,25 Tỉ lệ: 42,5%		Số câu: 2 Số điểm: 0,5 Tỉ lệ: 5%	

b. Học kì 2

Cấp độ Tên (Chủ đề, nội dung,...)	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng Cấp độ cao	
	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNQ	TL
Chủ đề 11: Việt nam từ năm 1954 đến năm 1975	7		8		3	1	2	
Chủ đề 12: Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2000	3		4		1			
Tổng số câu: 29 Tổng số điểm: 10 Tỉ lệ 100%	Số câu 10 Số điểm: 2,5 Tỉ lệ: 25%		Số câu: 12 Số điểm: 3,0 Tỉ lệ: 30%		Số câu: 5 Số điểm: 4,0 Tỉ lệ: 40 %		Số câu: 2 Số điểm: 0,5 Tỉ lệ: 5 %	

-----Hết-----

CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I, HỌC KÌ II, NĂM HỌC 2017-2018
MÔN ĐỊA LÍ - LỚP 12

(Đính kèm Công văn số 4546 /SGDDT-GDTrH ngày 21/11/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

1. Cấu trúc đề kiểm tra học kì I, năm học 2017-2018:

- Thời gian: 45 phút.
- Nội dung: Từ bài 2-16 (trừ các bài, các nội dung giảm tải), bám sát chuẩn kiến thức-kĩ năng của Chương trình giáo dục phổ thông của Bộ GD&ĐT.
- Hình thức kiểm tra là tự luận kết hợp trắc nghiệm khách quan; thang điểm 10; được chia ra như sau:

+ Phần tự luận:

Chiếm 20%; có thể từ 1 đến 2 câu; tổng cộng 2 điểm (1 điểm ở mức độ biết, 1 điểm ở mức độ hiểu).

Nội dung: Có thể ra trong bất cứ nội dung nào trong phạm vi các bài học quy định cho việc ôn tập kiểm tra học kì I.

+ Phần trắc nghiệm khách quan: Chiếm 80% với 32 câu (biết: 20 câu, hiểu 4 câu, vận dụng thấp 4 câu, vận dụng cao 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm, tổng cộng 8 điểm.

MA TRẬN (phần trắc nghiệm khách quan):

Nội dung	Bài	Mức độ nhận thức				Điểm, số câu hàng ngang
		Biết	Hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	
Vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ	Bài 2: Vị trí địa lý, phạm vi lãnh thổ	2 câu		1 câu		Số câu: 3 Điểm: 0,75 Tỉ lệ: 7,5%
Đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam	Bài 6, 7: Đất nước nhiều đồi núi	3 câu	1 câu	1 câu		Số câu: 20 Điểm: 5,0 Tỉ lệ: 50%
	Bài 8: Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển	2 câu				
	Bài 9, 10: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa	4 câu	1 câu		1 câu	
	Bài 11, 12: Thiên nhiên phân hóa đa dạng	4 câu	1 câu	1 câu	1 câu	
Vấn đề sử dụng và bảo vệ tự nhiên	Bài 14: Sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên	2 câu			1 câu	Số câu: 6 Điểm: 1,5 Tỉ lệ: 15%
	Bài 15: Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai	2 câu	1 câu			
Đặc điểm dân số và phân bố dân cư	Bài 16: Đặc điểm dân số và phân bố dân cư nước ta	1 câu		1 câu	1 câu	Số câu: 3 Điểm: 0,75 Tỉ lệ: 7,5%
Điểm, số câu hàng dọc		Số câu: 20 Điểm: 5,0 Tỉ lệ: 50%	Số câu: 4 Điểm: 1,0 Tỉ lệ: 10%	Số câu: 4 Điểm: 1,0 Tỉ lệ: 10%	Số câu: 4 Điểm: 1,0 Tỉ lệ: 10%	

2. Cấu trúc đề kiểm tra học kì II, môn Địa lí lớp 12, năm học 2017-2018:

- Thời gian: 45 phút.

- Nội dung: Từ bài 17 đến bài 43 (trừ các bài, các nội dung giảm tải); bám sát chuẩn kiến thức-kĩ năng của Chương trình giáo dục phổ thông của Bộ GD&ĐT.

- Hình thức kiểm tra là tự luận kết hợp trắc nghiệm khách quan; thang điểm 10; được chia ra như sau:

+ Phần tự luận:

Chiếm 20%; có thể từ 1 đến 2 câu; tổng cộng 2 điểm (1 điểm ở mức độ biết, 1 điểm ở mức độ hiểu).

Nội dung: Có thể ra trong bất cứ nội dung nào trong phạm vi các bài học quy định cho việc ôn tập kiểm tra học kì II.

+ Phần trắc nghiệm khách quan: Chiếm 80% với 32 câu (biết: 20 câu, hiểu 4 câu, vận dụng thấp 4 câu, vận dụng cao 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm, tổng cộng 8 điểm.

MA TRẬN (phần trắc nghiệm khách quan):

Chủ đề	Nội dung	Bài	Mức độ nhận thức				Điểm, số câu hàng ngang
			Biết	Hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	
Địa lí dân cư		Bài 17: Lao động và việc làm	1 câu				Số câu: 3 Điểm: 0,75 Tỉ lệ: 7,5%
		Bài 18: Đô thị hóa	1 câu		1 câu		
Địa lí Kinh tế (Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và Địa lí các ngành kinh tế)	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế	Bài 20: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế	1 câu				Số câu: 16 Điểm: 4,0 Tỉ lệ: 40%
	Một số vấn đề phát triển và phân bố nông, lâm, ngư nghiệp	Bài 21: Đặc điểm nền nông nghiệp nước ta	1 câu				
		Bài 22: Vấn đề phát triển nông nghiệp	1 câu	1 câu			
		Bài 24: Vấn đề phát triển ngành thủy sản và lâm nghiệp	1 câu			1 câu	
		Bài 25: Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp	1 câu				
	Một số vấn đề phát triển và phân bố công nghiệp	Bài 26: Cơ cấu ngành công nghiệp	1 câu			1 câu	
		Bài 27: Vấn đề phát triển một số ngành công nghiệp trọng điểm	1 câu	1 câu			
		Bài 28: Vấn đề tổ chức lãnh thổ công nghiệp			1 câu		

	<i>Một số vấn đề phát triển và phân bố các ngành dịch vụ</i>	Bài 30: Vấn đề phát triển ngành giao thông vận tải và thông tin liên lạc	1 câu		1 câu		
		Bài 31: Vấn đề phát triển thương mại, du lịch	1 câu			1 câu	
Địa lí các vùng kinh tế		Bài 32: Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ	1 câu				
		Bài 33: Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở đồng bằng sông Hồng	1 câu	1 câu			
		Bài 35: Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Bắc Trung Bộ	1 câu				
		Bài 36: Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Duyên hải Nam Trung Bộ	1 câu				
		Bài 37: Vấn đề khai thác thế mạnh ở Tây Nguyên	1 câu	1 câu			
		Bài 39: Vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ	1 câu			1 câu	
		Bài 41: Vấn đề sử dụng hợp lý và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long	2 câu				
		Bài 42: Vấn đề phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo	1 câu				
		Bài 43: Các vùng kinh tế trọng điểm			1 câu		
Điểm, số câu hàng dọc			Số câu: 20 Điểm: 5,0 Tỉ lệ: 50%	Số câu: 4 Điểm: 1,0 Tỉ lệ: 10%	Số câu: 4 Điểm: 1,0 Tỉ lệ: 10%	Số câu: 4 Điểm: 1,0 Tỉ lệ: 10%	

Số câu: 13
Điểm: 3,25
Tỉ lệ: 32,5%

CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I, HỌC KÌ II, NĂM HỌC 2017-2018
MÔN TIẾNG ANH - LỚP 9, 10, 11, 12

(Đính kèm Công văn số 4546 /SGDĐT-GDTrH ngày 21/11/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

A. Cấu trúc Đề kiểm tra HK khối 12

(Dùng cho học sinh khối 12 học chương trình tiếng Anh hệ 7 năm)

1. Pronunciation: (2 câu)
2. Stress: (2 câu)
3. Vocabulary (5) + grammar (7): (12 câu)
4. Communication: (2 câu)
5. Cloze-Test: (5 câu)
6. Reading comprehension: (5 câu)
7. Error recognition: (3 câu)
8. Sentence transformation (3) + combination (2) : (5 câu)
9. Synonym (2) + Antonym (2) : (4 câu)

B. Cấu trúc Đề kiểm tra HK khối 10, 11

Dùng cho học sinh khối 10, 11 học chương trình tiếng Anh hệ 7 năm

I. Listening: (1,5 điểm - 0,25/câu)

Part 1: Multiple choice: (3 câu)

Part 2: True/False: (3 câu)

II. Use of Language: (3,5 điểm - 0,25/câu)

Part 1: phonetics: (4 câu)

- Pronunciation: (2 câu)

- Stress: (2 câu)

Part 2: Vocabulary (4 câu)

Part 3: Grammar (4 câu)

Part 4: Communication (2 câu)

III. Reading: (2,5 điểm - 0,25/câu)

Part 1: Cloze test (5 câu)

Part 2: Answer questions (5 câu)

IV. Writing (Tự luận): (2,5 điểm - 0,5/câu)

Part 1: Rearrangement: (2 câu)

Part 2: Rewriting: (3 câu)

Lưu ý: Đối với học sinh khối lớp 10, khối lớp 11 và khối lớp 12 đang học chương trình tiếng Anh hệ 10 năm (chương trình tiếng Anh thí điểm của Đề án ngoại ngữ quốc gia 2020) sẽ sử dụng Đề kiểm tra HK của Sở GD&ĐT theo cấu trúc trên của khối lớp; Đối với kỹ năng Nói do giáo viên được phân công giảng dạy kiểm tra thông qua các bài kiểm tra thường xuyên trên lớp.

C. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ MÔN TIẾNG ANH LỚP 9 - NĂM HỌC 2017-2018

I. LISTENING (1,5 điểm - 0,25/câu)

Part 1: Listen and match (3 câu);

Part 2: Listen and complete (3 câu).

II. USE OF LANGUAGE: (3,5 điểm - 0,25/câu)

Part 1: Pronunciation (4 câu)

Part 2: Vocabulary (4 câu)

Part 3: Grammar (4 câu)

Part 4: Communication (2 câu)

III. READING (2,5 điểm - 0,25/câu)

Part 1: True/False (4 câu);

Part 1: Cloze test (6 câu)

IV. WRITING (2,5 điểm - 0,5/câu)

Part 1: Rearrange (2 câu);

Part 2: Rewrite the sentences (3 câu).

Lưu ý: Đối với học sinh khối lớp 6, 7, 8, 9 học chương trình tiếng Anh hệ 10 năm (chương trình tiếng Anh thí điểm của Đề án ngoại ngữ quốc gia 2020) sẽ sử dụng Đề kiểm tra HK của Sở GD&ĐT theo cấu trúc này; Đối với kỹ năng Nói do giáo viên được phân công giảng dạy kiểm tra thông qua các bài kiểm tra thường xuyên trên lớp.

CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I, HỌC KÌ II NĂM HỌC 2017-2018
MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN - LỚP 12

(Đính kèm Công văn số 4546 /SGDDT-GDTrH ngày 21/11/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

I. Cấu trúc đề kiểm tra học kì I:

- Hình thức: Trắc nghiệm khách quan + tự luận.
- Số lượng câu hỏi trắc nghiệm: 32.
- Số câu hỏi tự luận: 1.
- Thời gian làm bài: 45 phút

*** Cấu trúc phân trắc nghiệm:**

Bài	Nhận biết 30%	Thông hiểu 30%	Vận dụng Cấp độ thấp 30%	Vận dụng Cấp độ cao 10%	Cộng
Pháp luật và đời sống	Số câu: 2 Số điểm: 0.5	Số câu: 2 Số điểm: 0.5	Số câu: 1 Số điểm: 0.25	Số câu: 1 Số điểm: 0.25	Số câu: 6 Số điểm: 1.5
Thực hiện pháp luật	Số câu: 3 Số điểm: 0.75	Số câu: 3 Số điểm: 0.75	Số câu: 3 Số điểm: 0.75	Số câu: 1 Số điểm: 0.25	Số câu: 10 Số điểm: 2.5
Công dân bình đẳng trước pháp luật	Số câu: 1 Số điểm: 0,25	Số câu: 1 Số điểm: 0.25	Số câu: 0 Số điểm: 0	Số câu: 1 Số điểm: 0.25	Số câu: 3 Số điểm: 0.75
Quyền bình đẳng của công dân trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội	Số câu: 3 Số điểm: 0.75	Số câu: 3 Số điểm: 0.75	Số câu: 2 Số điểm: 0.5	Số câu: 2 Số điểm: 0.5	Số câu: 10 Số điểm: 2.5
Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo	Số câu: 1 Số điểm: 0.25	Số câu: 1 Số điểm: 0.25	Số câu: 1 Số điểm: 0.25	Số câu: 0 Số điểm: 0	Số câu: 3 Số điểm: 0.75
Tổng	Số câu: 10 Số điểm: 2.5	Số câu: 10 Số điểm: 2.5	Số câu: 7 Số điểm: 1.75	Số câu: 5 Số điểm: 1.25	Số câu: 32 Số điểm: 8

*** Cấu trúc phân tự luận:**

- Nội dung: Bài 2, Bài 3, Bài 4, 5, bám sát chuẩn kiến thức - kĩ năng của Chương trình giáo dục phổ thông của Bộ GD&ĐT.
- Phần tự luận chiếm 20%; 1 câu; tổng cộng 2 điểm (1 điểm ở mức độ thông hiểu, 1 điểm ở mức độ vận dụng cao).

II. Cấu trúc đề kiểm tra học kì II:

- Hình thức: Trắc nghiệm khách quan + tự luận.
- Số lượng câu hỏi trắc nghiệm: 32.
- Số câu hỏi tự luận: 1.
- Thời gian làm bài: 45 phút

*** Cấu trúc phần trắc nghiệm:**

Bài	Nhận biết 30%	Thông hiểu 30%	Vận dụng Cấp độ thấp 30%	Vận dụng Cấp độ cao 10%	Cộng
Công dân với các quyền tự do cơ bản	Số câu: 4 Số điểm: 1.0	Số câu: 3 Số điểm: 0.75	Số câu: 3 Số điểm: 0.75	Số câu: 2 Số điểm: 0.5	Số câu: 12 Số điểm: 3.0
Công dân với các quyền dân chủ	Số câu: 3 Số điểm: 0.75	Số câu: 2 Số điểm: 0.5	Số câu: 2 Số điểm: 0.5	Số câu: 1 Số điểm: 0.25	Số câu: 8 Số điểm: 2.0
Pháp luật với sự phát triển của công dân	Số câu: 3 Số điểm: 0.75	Số câu: 2 Số điểm: 0.5	Số câu: 2 Số điểm: 0.5	Số câu: 1 Số điểm: 0.25	Số câu: 8 Số điểm: 2.0
Pháp luật với sự phát triển của đất nước	Số câu: 2 Số điểm: 0.5	Số câu: 1 Số điểm: 0.25	Số câu: 1 Số điểm: 0.25	Số câu: 0 Số điểm:	Số câu: 4 Số điểm: 1.0
Tổng	Số câu: 12 Số điểm: 3	Số câu: 8 Số điểm: 2	Số câu: 8 Số điểm: 2	Số câu: 4 Số điểm: 1	Số câu: 32 Số điểm: 8

*** Cấu trúc phần tự luận:**

- Nội dung: Bài 6, Bài 7, Bài 8, bám sát chuẩn kiến thức-kĩ năng của Chương trình giáo dục phổ thông của Bộ GD&ĐT.

- Phần tự luận chiếm 20%; 1 câu; tổng cộng 2 điểm (1 điểm ở mức độ thông hiểu, 1 điểm ở mức độ vận dụng cao).